

Công khai



Người ký: Ủy ban Nhân dân Quận Tân Bình
Email: tanbinh@tp HCM.gov.vn
Cơ quan: Thành phố Hồ Chí Minh
Thời gian ký: 02.07.2021 09:14:00 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 291 /QĐ-UBND

Tân Bình, ngày 30 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về bổ sung dự toán chi Ngân sách Nhà nước năm 2021
cho Khối giáo dục quận Tân Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 4567/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân quận Tân Bình về dự toán thu, chi ngân sách năm 2021;

Xét Tờ trình số 35 /TTr-TCKH ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Phòng Tài chính - Kế hoạch về bổ sung dự toán chi Ngân sách Nhà nước năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung dự toán chi Ngân sách Nhà nước năm 2021 (Kinh phí mua sắm trang thiết bị phục vụ chuyên môn và sửa chữa hè) cho các đơn vị Sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo với tổng số tiền 24.460.650.000 đồng (Hai mươi bốn tỷ bốn trăm sáu mươi triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng). Cụ thể:

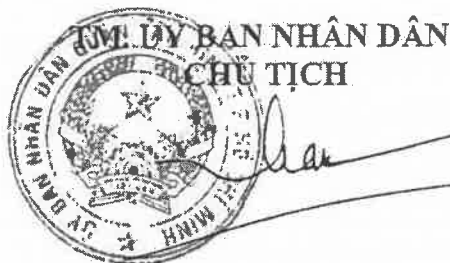
(Đính kèm chi tiết)

Điều 2. Căn cứ dự toán chi Ngân sách Nhà nước được bổ sung, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Giám đốc Kho bạc Nhà nước và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /Khuor

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TTUB: CT; PCT/VX;
- Lưu.



Nguyễn Bá Thành

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



CHI TIẾT BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021
KHỐI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO QUẬN TÂN BÌNH

(Hình kèm theo Quyết định số: 291/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 của UBND quận Tân Bình)

ĐVT: đồng

STT	Tên đơn vị	Kinh phí mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác chuyên môn	Kinh phí sửa chữa hệ	Cộng	Ghi chú
A	B	1	2	3=1+2	4
I	KHỐI MẦM NON	410.600.000	9.593.000.000	10.003.600.000	
1	Mầm non 2		180.000.000	180.000.000	
2	Mầm non 3		725.000.000	725.000.000	
3	Mầm non 6		1.110.000.000	1.110.000.000	
4	Mầm non 9		880.000.000	880.000.000	
5	Mầm non 10		199.000.000	199.000.000	
6	Mầm non 11		200.000.000	200.000.000	
7	Mầm non 13	261.000.000	1.800.000.000	2.061.000.000	
8	Mầm non 14		900.000.000	900.000.000	
9	Mầm non 15		450.000.000	450.000.000	
10	Mầm non Tuổi Xanh		900.000.000	900.000.000	
11	Mầm non Quận		599.000.000	599.000.000	
12	Mầm non Phú Hòa	95.000.000	1.110.000.000	1.205.000.000	
13	Mầm non Kim Đồng	54.600.000	540.000.000	594.600.000	
II	Khối Tiểu học	1.046.200.000	8.793.000.000	9.839.200.000	
1	TH Bạch Đằng		465.000.000	465.000.000	
2	TH Nguyễn Thanh Tuyền		1.190.000.000	1.190.000.000	
3	TH Ngọc Hồi	44.000.000	1.480.000.000	1.524.000.000	
4	TH Bành Văn Trân		348.000.000	348.000.000	
5	TH Thân Nhân Trung		660.000.000	660.000.000	
6	TH Nguyễn Văn Kịp		800.000.000	800.000.000	
7	TH Phạm Văn Hai		750.000.000	750.000.000	
8	TH Sơn Cang		450.000.000	450.000.000	
9	TH Lê Thị Hồng Gấm		950.000.000	950.000.000	
10	TH Chi Lăng	773.200.000	530.000.000	1.303.200.000	

STT	Tên đơn vị	Kinh phí mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác chuyên môn	Kinh phí sửa chữa hệ	Cộng	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3=I+2</i>	<i>4</i>
11	TH Bình Giả		190.000.000	190.000.000	
12	TH Lạc Long Quân		610.000.000	610.000.000	
13	TH Nguyễn Văn Trỗi		370.000.000	370.000.000	
14	TH Hoàng Văn Thụ	119.000.000		119.000.000	
15	TH Bạch Đằng	110.000.000		110.000.000	
III	Khối THCS	212.850.000	4.405.000.000	4.617.850.000	
1	THCS Võ Văn Tần		930.000.000	930.000.000	
2	THCS Âu Lạc		900.000.000	900.000.000	
3	THCS Hoàng Hoa Thám		510.000.000	510.000.000	
4	THCS Nguyễn Gia Thiều		1.190.000.000	1.190.000.000	
5	THCS Tân Bình	40.000.000	875.000.000	915.000.000	
6	THCS Lý Thường Kiệt	159.500.000		159.500.000	
7	THCS Trường Chinh	13.350.000		13.350.000	
	Tổng cộng (I+II+III)	1.669.650.000	22.791.000.000	24.460.650.000	

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH

Số: 133 /MN9
Về việc bổ sung dự toán chi
NSNN năm 2021

Tân Bình, ngày 01 tháng 07 năm 2021

PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2021

Kính gửi: Phòng Tài chính – Kế hoạch quận Tân Bình

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 30/06/2021 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2021;

Căn cứ chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách nhà nước hiện hành;

Trường Mầm non 9 phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2021 như sau (đính kèm mẫu biểu số 49).

Đề nghị Phòng Tài chính – Kế hoạch thẩm tra Phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2021 của Trường Mầm non 9.

Nơi nhận:

- Như trên;
- KBNN QTB;
- Lưu: VT.



Trần Thị Kiều Nhung

PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021
(Kèm theo quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 30/06/2021 của UBND quận Tân Bình)

Chương: 622

Loại: 070

Khoản: 071

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Tổng số
A	B	1
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
		
1.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
		
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
		
3.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
		
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước (1)	880.000.000
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
	Trong đó: kinh phí thực hiện điều chỉnh tiền lương (nguồn 14)	
	Trong đó: kinh phí thực hiện Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học (cấp huyện không có nội dung này)	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	880.000.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Trong đó: kinh phí thực hiện điều chỉnh tiền lương (nguồn 14)	
	Trong đó: kinh phí thực hiện Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	880.000.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	

STT	Nội dung	Tổng số
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi sự nghiệp kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
		
	Mã số đơn vị sử dụng NSNN	1048792
	Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch	

Ghi chú: (1) Trường hợp theo quy định phải giao tiết kiệm chi thường xuyên 10% để thực hiện cải cách tiền lương, thì bổ sung thêm chỉ tiêu tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương theo từng lĩnh vực và nhiệm vụ chi.

Số: 23/QĐ-MN9

Tân Bình, ngày 01 tháng 07 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai bổ sung dự toán ngân sách năm 2021 của Trường Mầm Non 9

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ số 291/QĐ-UBND ngày 30/06/2021 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về việc bổ sung dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2021 sự nghiệp Giáo dục – Đào tạo quận Tân Bình;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu bổ sung dự toán ngân sách năm 2021 của trường Mầm non 9 (có biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban giám hiệu, kế toán trưởng và toàn thể cán bộ giáo viên nhân viên trong trường tổ chức thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

- Đơn vị dự toán cấp trên;
- Lưu :VT, KT



Trần Thị Kiều Nhung

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 30/06/2021 của UBND quận Tân Bình)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: đồng

TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	880.000.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	880.000.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (nguồn 13)	
	10% tiết kiệm chi thường xuyên (nguồn 14)	
	Kinh phí thực hiện điều chỉnh tiền lương (nguồn 14)	
	Kinh phí thực hiện Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14)	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	880.000.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	

